

Số: 63/QĐ-HDQL

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2008

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

### HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 110/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức; Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01/11/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 181/2007/QĐ-TTg ngày 26/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cho vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 48/2008/QĐ-TTg ngày 03/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hướng dẫn chung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nhóm 5 ngân hàng;

Căn cứ Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các Chương trình/dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Căn cứ Thông tư số 27/2007/TT/BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước; Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 19/2007/QĐ-BTC ngày 27/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách Nhà nước đối với các khoản vay và viện trợ nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH ngày 30/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình/dự án ODA;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././. *h*

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước;
- Thành viên HĐQT Ngân hàng Phát triển VN;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, VP HĐQT (3b), TD, VNN (5b).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Kháng**

**QUY CHẾ**  
**CHO VAY LẠI VỐN ODA TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-HĐQL ngày 19/12/2008  
của Hội đồng quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định về cho vay lại từ nguồn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ (ODA) tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi là NHPT) và được áp dụng đối với các Chương trình/dự án vay lại vốn ODA được Bộ Tài chính uỷ quyền cho NHPT thực hiện cho vay lại trong nước thông qua các Hợp đồng uỷ quyền cho vay lại.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Cho vay lại: là việc NHPT thay mặt Bộ Tài chính/Nhà tài trợ cho Người vay lại vay một phần hoặc toàn bộ phần vốn ODA để thực hiện các Chương trình/dự án có khả năng thu hồi vốn hoặc theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó:

1.1 Cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng: là việc NHPT cho Người vay lại vay lại vốn ODA, khi Người vay lại không trả được nợ vay đúng hạn, Bộ Tài chính sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Người vay lại.

1.2 Cho vay lại chịu rủi ro tín dụng: là việc NHPT cho Người vay lại vay lại vốn ODA, khi Người vay lại không trả được nợ vay đúng hạn, NHPT sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Người vay lại.

2. Nhà tài trợ: là Bên nước ngoài cung cấp tài chính cho Chương trình/dự án.

3. Người vay lại: là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế là Chủ đầu tư các dự án; là UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được vay lại vốn ODA cho các dự án đầu tư tại địa phương, ký Hợp đồng tín dụng ODA với NHPT hoặc ký Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính, nhận nợ vay vốn ODA với NHPT.

4. Hợp đồng uỷ quyền cho vay lại: là hợp đồng ký giữa Bộ Tài chính và NHPT về việc uỷ quyền cho NHPT thực hiện cho vay lại nguồn vốn ODA.

5. Hợp đồng tín dụng ODA: là Hợp đồng kinh tế được ký giữa Người vay lại và NHPT về việc cho vay lại và thu hồi nợ vốn vay ODA.

6. Hiệp định vay phụ: là Hợp đồng ký kết giữa Người vay lại và Bộ Tài chính về việc cho vay lại và thu hồi nợ vốn vay ODA theo quy định của Nhà tài trợ.

7. Phí dịch vụ cho vay lại: là khoản phí do Bộ Tài chính trả cho NHPT trong trường hợp Bộ Tài chính ủy quyền cho NHPT quản lý, thu hồi khoản cho vay lại và không chịu rủi ro tín dụng.

8. Thời hạn cho vay: là khoảng thời gian từ khi rút vốn lần đầu đến khi trả hết nợ vay (gốc và lãi, phí) theo Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ.

9. Thời hạn ân hạn: là khoảng thời gian chưa phải trả nợ gốc, nhưng phải trả lãi (nằm trong thời hạn cho vay).

10. Kỳ hạn trả nợ: là khoảng thời gian quy định cho từng lần trả nợ trong thời gian trả nợ.

### **Điều 3. Nguyên tắc cho vay lại**

1. NHPT cho vay đối với Chương trình/dự án có hiệu quả kinh tế-xã hội, có khả năng hoàn trả vốn vay hoặc theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Người vay lại phải đảm bảo:

a. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Chương trình/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được quy định trong Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ;

b. Hoàn trả nợ gốc, lãi vay và các khoản phải trả khác đúng thời hạn đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ.

### **Điều 4. Hình thức cho vay lại**

1. NHPT thực hiện cho vay lại theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại, không chịu rủi ro tín dụng:

NHPT có trách nhiệm tổ chức quản lý, thu hồi nợ vay ODA và được hưởng phí dịch vụ cho vay lại do Bộ Tài chính thanh toán bằng 1,5% trên số thu hồi nợ thực tế (bao gồm gốc, lãi và lãi chậm trả nếu có).

2. NHPT thực hiện cho vay lại theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại, chịu rủi ro tín dụng:

NHPT lựa chọn Chương trình/dự án vay vốn đúng đối tượng quy định tại Hợp đồng ủy quyền cho vay lại, chịu trách nhiệm thẩm định, duyệt vay, quy định lãi suất cho vay và tổ chức quản lý, thu hồi nợ vay và chịu rủi ro tín dụng. NHPT được hưởng chênh lệch lãi suất giữa lãi suất cho vay đối với Người vay lại và lãi suất vay từ Bộ Tài chính.

### **Điều 5. Điều kiện được vay lại**

1. Đối với Chương trình/dự án:

a. Chương trình/dự án của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc mọi

thành phần kinh tế đáp ứng được các điều kiện sau:

- Phù hợp với danh mục và quy hoạch đầu tư phát triển của Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

- Phù hợp với điều kiện của nguồn vốn ODA và nội dung Hợp đồng ủy quyền cho vay lại NHPT đã ký với Bộ Tài chính.

b. Được lập và trình duyệt theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng; quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA. Hồ sơ dự án phải đảm bảo đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, chính xác và trung thực.

c. Có hiệu quả về tài chính, có khả năng cân đối và hoàn trả nợ vay trong thời hạn vay vốn của Chương trình/dự án; được NHPT thẩm định hoặc thẩm định lại phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay của Chương trình/dự án (kể cả khi Chương trình/dự án đã có quyết định đầu tư).

## 2. Đối với Người vay lại:

a. Người vay lại là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế, phù hợp với quy định của Nguồn vốn ODA cho vay lại và Hợp đồng ủy quyền cho vay lại NHPT đã ký với Bộ Tài chính, đảm bảo các điều kiện sau:

- Có năng lực điều hành quản lý dự án thuộc lĩnh vực đầu tư. Có tình hình tài chính lành mạnh, không có lỗ trong 3 năm gần nhất, không có nợ quá hạn với các tổ chức tín dụng và không có nợ quá hạn đối với các khoản vốn vay nợ, viện trợ nước ngoài của Chính phủ tại thời điểm vay lại, không có các khoản nợ tồn đọng, quá hạn với ngân sách Nhà nước.

- Đảm bảo được khả năng trả nợ. Trường hợp Chương trình/dự án mất cân đối nguồn trả nợ, Người vay lại phải đảm bảo huy động đủ nguồn hợp pháp khác ngoài nguồn thu của Chương trình/dự án để trả nợ.

- Đảm bảo huy động đủ vốn đối ứng để thực hiện Chương trình/dự án đầu tư theo đúng tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện đúng các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b. Người vay lại là UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được vay lại vốn ODA cho các dự án đầu tư tại địa phương phù hợp với quy định của Nguồn vốn ODA cho vay lại và Hợp đồng ủy quyền cho vay lại NHPT đã ký với Bộ Tài chính, đảm bảo các điều kiện sau:

- Được pháp luật hoặc Thủ tướng Chính phủ cho phép vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ;

- Vốn vay được dùng cho đầu tư phát triển thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương;

- Ngân sách địa phương đảm bảo trả được nợ.

## Điều 6. Bảo đảm tiền vay

1. Người vay lại phải thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản, bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay lại và/hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật

trừ các trường hợp Người vay lại là đối tượng được miễn bảo đảm tiền vay. Trong thời gian chưa trả hết nợ, Người vay lại không được cho, tặng, bán, chuyển nhượng, góp vốn liên doanh hoặc thế chấp, cầm cố tài sản đã dùng để bảo đảm tiền vay để vay vốn nơi khác. Người vay lại phải ký Hợp đồng bảo đảm tiền vay với NHPT theo đúng quy định hiện hành của NHPT về bảo đảm tiền vay. NHPT được quản lý và xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo Quy chế bảo đảm tiền vay của NHPT.

2. Đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật, Người vay lại phải thực hiện mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn vay vốn tại một Công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Trình tự và thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế bảo đảm tiền vay và các quy định có liên quan khác của NHPT.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HÌNH THỨC NHPT CHO VAY LẠI KHÔNG CHỊU RỦI RO TÍN DỤNG**

#### **Điều 7. Điều kiện cho vay lại**

##### **1. Mức vốn cho vay lại:**

Mức vốn cho vay lại đối với từng Chương trình/dự án được quy định trong Hợp đồng ủy quyền cho vay lại ký giữa NHPT và Bộ Tài chính.

Trị giá nhận nợ thực tế là trị giá được lũy kế theo từng lần rút vốn.

##### **2. Đồng tiền cho vay lại, trả nợ:**

a. Đồng tiền cho vay lại: Người vay lại được quyền lựa chọn đồng tiền vay là ngoại tệ gốc vay của nước ngoài hoặc đồng Việt Nam tùy theo khả năng trả nợ. Tỷ giá quy đổi từ đồng ngoại tệ sang đồng Việt Nam là tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm quy đổi (trừ trường hợp có quy định khác).

b. Đồng tiền trả nợ vay: Người vay lại nhận vay lại theo đồng tiền nào thì trả nợ bằng đồng tiền đó. Trường hợp, Người vay lại đề nghị trả nợ bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi khác với đồng tiền nhận nợ thì áp dụng tỷ giá hối đoái do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm thanh toán.

##### **3. Thời hạn cho vay lại:**

a. Thời hạn cho vay lại phù hợp với thời gian hoàn vốn của Chương trình/dự án, khả năng trả nợ của Người vay lại và các quy định tại Hợp đồng ủy quyền cho vay lại ký giữa NHPT và Bộ Tài chính.

b. Thời hạn ân hạn được xác định căn cứ vào thời gian xây dựng Chương trình/dự án kể từ khi khởi công đến khi Chương trình/dự án được hoàn thành đưa vào hoạt động.

##### **4. Lãi suất cho vay lại:**

a. Lãi suất cho vay lại trong hạn:

- Mức lãi suất cho vay lại:

+ Bảng đồng Việt Nam: được xác định theo ngành kinh tế kỹ thuật và không vượt quá lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước quy định trong từng thời kỳ do Bộ Tài chính công bố.

+ Bảng ngoại tệ: bằng lãi suất cho vay lại bằng đồng Việt Nam quy định nêu trên trừ đi tỷ lệ rủi ro hối đoái tương ứng của đồng tiền cho vay lại, nhưng không thấp hơn mức lãi suất vay nước ngoài và không cao hơn hai phần ba (2/3) lãi suất thương mại tham chiếu (CIRR) do Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD) công bố tại thời điểm xác định lãi suất cho vay lại. Mức rủi ro hối đoái hàng năm đối với 3 loại ngoại tệ là Đô la Mỹ (USD), Euro (EUR) và Yên Nhật Bản (JPY) do Bộ Tài chính công bố hàng năm (chậm nhất là ngày 15/3 hàng năm và được áp dụng cho đến hết ngày 15/3 năm kế tiếp). Trường hợp ngoại tệ gốc trong Hiệp định vay khác với ba loại ngoại tệ nói trên, mức rủi ro hối đoái được áp dụng theo mức rủi ro hối đoái của đồng USD.

- Lãi suất cho vay lại được quy định tại Hợp đồng ủy quyền cho vay lại ký giữa NHPT và Bộ Tài chính.

- Lãi cho vay lại được tính trên dư nợ kể từ ngày rút vốn vay.

b. Lãi suất chậm trả: quy định tại Hợp đồng ủy quyền cho vay lại ký giữa NHPT và Bộ Tài chính, bằng 150% lãi suất cho vay lại hoặc mức lãi suất chậm trả ghi trong Hiệp định vay gốc tùy theo mức nào cao hơn. Lãi chậm trả được tính trên số nợ (gốc, lãi) chậm trả tính từ ngày đến hạn trả nhưng chưa trả cho đến ngày thực tế trả nợ.

5. Các loại phí: Người vay lại phải trả các loại phí sau:

- Trực tiếp thanh toán cho Nhà tài trợ các khoản phí được quy định tại Hiệp định vay, có thể bao gồm: phí quản lý, phí cam kết, phí rút vốn, phí bảo hiểm và các loại phí khác. Trường hợp Chính phủ thanh toán các khoản phí này, Người vay lại phải hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước.

- Trực tiếp trả cho ngân hàng phục vụ các khoản phí dịch vụ ngân hàng theo quy định.

**Điều 8. Thẩm định lại Chương trình/dự án**

1. NHPT thẩm định lại phương án tài chính của các Chương trình/dự án cho vay lại và năng lực tài chính của Người vay lại (trừ các dự án Chính phủ chỉ định).

2. Hồ sơ thẩm định lại Chương trình/dự án do Người vay lại nộp:

- Văn kiện Chương trình/dự án hoặc Chương trình/dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Văn bản của Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ;

- Báo cáo tài chính 3 năm gần nhất đối với các doanh nghiệp/tổ chức kinh tế đang hoạt động; đối với những trường hợp chưa đủ 3 năm hoạt động thì ngoài báo cáo tài chính kể từ ngày thành lập đến nay, phải có các báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc của các công ty là cổ đông chiến lược và văn bản cam kết của cơ quan chủ quản cấp trên hoặc của công ty mẹ, cổ đông chiến lược đảm bảo khả năng trả nợ;

- Phương án tài chính sử dụng và hoàn trả vốn vay dựa trên cơ sở tham chiếu các điều kiện khung cho vay lại theo Quy chế này.

3. Thời gian thẩm định lại là 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ các tài liệu hợp lệ nêu trên.

#### 4. Nội dung thẩm định lại:

- NHPT chỉ thẩm định phương án tài chính và năng lực tài chính của Người vay lại;

- Thẩm định lại nhằm đề xuất điều kiện tín dụng cho vay lại phù hợp nhất với phương án tài chính của dự án và năng lực tài chính của Người vay lại trên cơ sở điều kiện cho vay lại khung đã được Chính phủ phê duyệt;

- Tổng Giám đốc NHPT hướng dẫn chi tiết quy trình, trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định lại phương án tài chính và năng lực tài chính của Người vay lại.

**Điều 9. Xây dựng cơ chế cho vay lại đối với Chương trình/dự án và Ký Hợp đồng ủy quyền cho vay lại với Bộ Tài chính**

1. Báo cáo kết quả thẩm định lại được gửi cho Bộ Tài chính là ý kiến chính thức của NHPT về điều kiện cho vay lại cụ thể đối với Chương trình/dự án. Trên cơ sở kết quả thẩm định lại, Bộ Tài chính quyết định điều kiện cho vay lại cụ thể cho Chương trình/dự án hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định không bố trí vốn cho Chương trình/dự án.

2. NHPT tham gia dự thảo nội dung Hợp đồng ủy quyền cho vay lại trước khi ký với Bộ Tài chính đảm bảo các yếu tố sau:

- a. Phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật;
- b. Phù hợp với các quy định trong Hiệp định vay ký với Nhà tài trợ;
- c. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan đến chương trình/dự án phù hợp thẩm quyền, chức năng của từng cơ quan theo quy định của pháp luật;
- d. Phù hợp với thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ của NHPT;
- e. Phù hợp với các quy chế nghiệp vụ của NHPT, thuận tiện cho việc triển khai thực hiện.

3. Hợp đồng ủy quyền cho vay lại được NHPT ký với Bộ Tài chính là văn bản pháp lý để NHPT tiến hành các bước thủ tục cho vay lại. Hợp đồng ủy quyền cho vay lại phải được ký trước khi NHPT ký Hợp đồng tín dụng ODA với Người

vay lại. Tổng Giám đốc NHPT là đại diện ký kết Hợp đồng ủy quyền cho vay lại với Bộ Tài chính.

**Điều 10.** Hồ sơ vay vốn, ký Hợp đồng tín dụng ODA và Hợp đồng bảo đảm tiền vay

1. Sau khi ký kết Hợp đồng ủy quyền cho vay lại, Tổng Giám đốc NHPT hướng dẫn chi tiết các nội dung liên quan đến khoản vay và hồ sơ vay vốn để tiến hành ký Hợp đồng tín dụng ODA.

2. Hợp đồng tín dụng ODA và Hợp đồng bảo đảm tiền vay được ký giữa NHPT với Người vay lại theo mẫu Hợp đồng thống nhất do Tổng Giám đốc NHPT ban hành, trường hợp Bộ Tài chính đã ký Hiệp định vay phụ với Người vay lại thì không phải ký Hợp đồng tín dụng ODA (trừ trường hợp đặc biệt).

a. Hợp đồng tín dụng ODA được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau và được gửi và lưu tại:

- Người vay lại (01 bản);
- NHPT (02 bản);
- Bộ Tài chính (01 bản).

b. Hợp đồng bảo đảm tiền vay được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau và được gửi và lưu tại:

- Người vay lại (01 bản);
- NHPT (02 bản);
- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với hợp Hợp đồng bảo đảm tiền vay tài sản bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật) (01 bản).

**Điều 11.** Kiểm soát chi, ghi thu-ghi chi và ký khế ước nhận nợ

1. Tổng Giám đốc NHPT hướng dẫn chi tiết quy trình, hồ sơ, trình tự, thủ tục kiểm soát chi, ghi thu-ghi chi và ký khế ước nhận nợ vốn ODA cho vay lại các Chương trình/dự án vay lại vốn ODA tại NHPT.

2. Ký khế ước nhận nợ: Người vay lại phải ký khế ước nhận nợ với NHPT đối với toàn bộ các khoản rút vốn theo ghi thu-ghi chi của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc NHPT ban hành mẫu khế ước nhận nợ vốn ODA cho vay lại. Khế ước nhận nợ là văn bản có giá trị pháp lý và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ.

**Điều 12.** Quyết toán vốn đầu tư:

1. Khi Chương trình/dự án đầu tư hoàn thành, Người vay lại có trách nhiệm quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung báo cáo kiểm tra, thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. NHPT và Người vay lại có trách nhiệm tổng hợp và đối chiếu xác nhận tổng số vốn đã cho vay, số dư nợ và lãi, phí phát sinh đến thời điểm Chương trình/dự án hoàn thành đưa vào sử dụng (số nợ gốc, lãi, phí đã thu và chưa thu).

#### **Điều 13. Thu hồi nợ (gốc và lãi)**

1. Đến kỳ hạn trả nợ quy định trong Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ đã ký, Người vay lại có trách nhiệm chủ động trả đủ nợ (gốc và lãi) cho NHPT.

2. Trường hợp Người vay lại không trả đủ nợ (gốc và lãi) thì NHPT sẽ chuyển số nợ (gốc và lãi) còn phải trả nhưng chưa trả sang nợ chậm trả và áp dụng lãi suất chậm trả.

3. Lãi cho vay lại và lãi chậm trả được tính theo phương pháp tích số và trên cơ sở số ngày thực tế sử dụng vốn và một năm có 360 ngày. Trường hợp, Người vay lại thực hiện trả nợ trong vòng 15 ngày sau ngày đến hạn trả nợ thì số nợ (gốc và lãi) đã trả không phải chịu lãi suất chậm trả.

4. Thứ tự ưu tiên thanh toán nợ: Đối với các khoản trả gốc và lãi ghi trong Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ, Người vay lại phải hoàn trả theo thứ tự ưu tiên ngang bằng với bất kỳ khoản vay nào khác của Người vay lại. Trong trường hợp Người vay lại chỉ trả được một phần các nghĩa vụ đến hạn, thứ tự để ưu tiên trừ nợ sẽ là: lãi phạt, lãi chậm trả, lãi đến hạn, gốc chậm trả, gốc đến hạn.

5. Trường hợp Người vay lại thực hiện trả nợ (gốc, lãi) trước hạn, phải có văn bản thông báo gửi NHPT và Bộ Tài chính tối thiểu 30 ngày trước khi thực hiện trả nợ.

6. Trường hợp có thay đổi về chính sách hoặc điều chỉnh điều kiện cho vay lại, Người vay lại không được hoàn trả lại các khoản nợ đã thu hồi trước đó.

7. Tổng Giám đốc NHPT quy định cụ thể nội dung, trình tự lập, đăng ký và giao kế hoạch thu nợ chi tiết đối với từng Chương trình/dự án hàng năm.

#### **Điều 14. Xử lý rủi ro**

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến hạn, sau khi NHPT áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ nhưng Người vay lại vẫn không trả được nợ, NHPT chịu trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ có biện pháp xử lý.

### **Chương III**

#### **QUY ĐỊNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HÌNH THỨC NHPT CHO VAY LẠI CHỊU RỦI RO TÍN DỤNG**

**Điều 15.** Tham gia xây dựng cơ chế cho vay lại đối với Chương trình/dự án và Hợp đồng ủy quyền cho vay lại

1. NHPT tham gia xây dựng cơ chế cho vay lại trước khi ký Hợp đồng ủy quyền cho vay lại với Bộ Tài chính đảm bảo các yếu tố sau:

a. Phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật;

- b. Phù hợp với các quy định trong Hiệp định vay ký với Nhà tài trợ;
- c. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan đến chương trình/dự án phù hợp thẩm quyền, chức năng của từng cơ quan theo quy định của pháp luật;
- d. Phù hợp với thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ của NHPT;
- e. Phù hợp với các quy chế nghiệp vụ của NHPT, thuận tiện cho việc triển khai thực hiện.

2. Hợp đồng ủy quyền cho vay lại được NHPT ký với Bộ Tài chính bằng văn bản. Tổng Giám đốc NHPT là đại diện ký kết Hợp đồng này với Bộ Tài chính.

#### **Điều 16. Điều kiện cho vay lại**

##### **1. Mức vốn cho vay lại:**

Mức vốn cho vay lại đối với từng Chương trình/dự án tối đa không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định của Chương trình/dự án (không bao gồm vốn lưu động).

Trị giá nhận nợ thực tế là trị giá được lũy kế theo từng lần rút vốn.

##### **2. Đồng tiền cho vay lại, trả nợ:**

a. Đồng tiền cho vay lại: Tổng Giám đốc NHPT quyết định đồng tiền cho vay lại đối với từng Chương trình/dự án, phù hợp với Hợp đồng ủy quyền cho vay lại ký giữa NHPT và Bộ Tài chính.

b. Đồng tiền trả nợ vay: Người vay lại nhận vay lại theo đồng tiền nào thì trả nợ bằng đồng tiền đó. Trường hợp, Người vay lại yêu cầu trả nợ bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi khác với đồng tiền nhận nợ vay thì áp dụng tỷ giá hối đoái theo thỏa thuận với NHPT quy định trong Hợp đồng tín dụng ODA.

##### **3. Thời hạn cho vay lại:**

a. Thời hạn cho vay lại phù hợp với thời gian hoàn vốn của Chương trình/dự án, khả năng trả nợ của Người vay lại và các quy định tại Hợp đồng ủy quyền cho vay lại ký giữa NHPT và Bộ Tài chính, nhưng tối đa không quá 20 năm.

b. Thời hạn ân hạn được xác định căn cứ vào thời gian xây dựng Chương trình/dự án kể từ khi khởi công đến khi Chương trình/dự án được hoàn thành đưa vào hoạt động.

##### **4. Lãi suất cho vay lại:**

###### **a. Lãi suất cho vay lại trong hạn:**

- Mức lãi suất cho vay lại: do Tổng Giám đốc NHPT quyết định phù hợp với quy định hiện hành và các quy định tại Hợp đồng ủy quyền cho vay lại NHPT ký với Bộ Tài chính.

- Lãi cho vay lại được tính trên dư nợ kể từ ngày nhận nợ vay.

b. Lãi suất chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay lại. Lãi chậm trả được tính trên số nợ (gốc, lãi) chậm trả tính từ ngày đến hạn trả nhưng chưa trả cho đến ngày thực tế trả nợ.

**Điều 17. Thẩm định Chương trình/dự án:**

1. NHPT thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay của các Chương trình/dự án cho vay lại và năng lực tài chính của Người vay lại.

2. Hồ sơ và nội dung thẩm định thực hiện theo quy định về thẩm định Chương trình/dự án hiện hành của NHPT đối với các Chương trình/dự án vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

**Điều 18. Thẩm quyền quyết định cho vay lại**

Tổng Giám đốc NHPT quyết định cho vay đối với từng Chương trình/dự án đủ điều kiện được vay lại theo quy định, phù hợp với Hợp đồng ủy quyền cho vay lại đã ký với Bộ Tài chính.

**Điều 19. Hồ sơ vay vốn, Hợp đồng tín dụng ODA và Hợp đồng bảo đảm tiền vay**

1. Tổng Giám đốc NHPT quy định cụ thể các nội dung liên quan đến Chương trình/dự án và hồ sơ vay vốn.

2. Hợp đồng tín dụng ODA và Hợp đồng bảo đảm tiền vay được ký giữa NHPT với Người vay lại theo mẫu Hợp đồng thống nhất do Tổng Giám đốc NHPT ban hành.

a. Hợp đồng tín dụng ODA được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau và được lưu tại:

- Người vay lại (02 bản);
- NHPT (02 bản);

b. Hợp đồng bảo đảm tiền vay được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau và được gửi và lưu tại:

- Người vay lại (01 bản);
- NHPT (02 bản);
- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với hợp Hợp đồng bảo đảm tiền vay tài sản bất buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật) (01 bản).

**Điều 20. Giải ngân vốn vay và ký kế ước nhận nợ**

1. Nguyên tắc, hồ sơ, thủ tục giải ngân vốn vay, lập và đăng ký kế hoạch giải ngân hàng năm thực hiện theo các quy định hiện hành của NHPT đối với các Chương trình/dự án vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

2. Ký kế ước nhận nợ: Người vay lại phải ký kế ước nhận nợ với NHPT đối với toàn bộ các khoản rút vốn do NHPT giải ngân cho Người vay lại/dự án. Kế ước nhận nợ là văn bản có giá trị pháp lý và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng tín dụng ODA.

3. Tổng Giám đốc NHPT hướng dẫn chi tiết quy trình, hồ sơ, trình tự, thủ tục giải ngân vốn vay ODA cho vay lại, ký khế ước nhận nợ và mẫu khế ước nhận nợ ODA.

#### **Điều 21. Quyết toán vốn đầu tư:**

1. Khi Chương trình/dự án đầu tư hoàn thành, Người vay lại có trách nhiệm quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung báo cáo kiểm tra, thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. NHPT và Người vay lại có trách nhiệm tổng hợp và đối chiếu xác nhận tổng số vốn đã cho vay, số dư nợ và lãi, phí phát sinh đến thời điểm Chương trình/dự án hoàn thành đưa vào sử dụng (số nợ gốc, lãi, phí đã thu và chưa thu).

#### **Điều 22. Thu hồi nợ (gốc và lãi)**

1. Đến kỳ hạn trả nợ quy định trong Hợp đồng tín dụng ODA đã ký, Người vay lại có trách nhiệm chủ động trả đủ nợ (gốc và lãi) cho NHPT.

2. Trường hợp Người vay lại không trả đủ nợ (gốc và lãi) thì NHPT sẽ chuyển số nợ (gốc và lãi) còn phải trả nhưng chưa trả sang nợ chậm trả và áp dụng lãi suất chậm trả.

3. Lãi cho vay lại và lãi chậm trả được tính theo phương pháp tích số và trên cơ sở số ngày thực tế sử dụng vốn và một năm có 360 ngày. Trường hợp, Người vay lại thực hiện trả nợ trong vòng 15 ngày sau ngày đến hạn trả nợ thì số nợ (gốc và lãi) cũ trả không phải chịu lãi suất chậm trả.

4. Thứ tự ưu tiên thanh toán nợ: Đối với các khoản trả gốc và lãi ghi trong Hợp đồng tín dụng ODA, Người vay lại phải hoàn trả theo thứ tự ưu tiên ngang bằng với bất kỳ khoản vay nào khác của Người vay lại. Trong trường hợp Người vay lại chỉ trả được một phần các nghĩa vụ đến hạn, thứ tự để ưu tiên trừ nợ sẽ là: lãi phạt, lãi chậm trả, lãi đến hạn, gốc chậm trả, gốc đến hạn.

5. Trường hợp Người vay lại thực hiện trả nợ (gốc, lãi) trước hạn, phải có văn bản thông báo gửi NHPT và được NHPT chấp thuận bằng văn bản tối thiểu 30 ngày trước khi thực hiện trả nợ.

6. Trường hợp có thay đổi về chính sách hoặc điều chỉnh điều kiện cho vay lại, Người vay lại không được hoàn trả lại các khoản nợ đã thu hồi trước đó.

7. Tổng Giám đốc NHPT quy định cụ thể nội dung, trình tự lập, đăng ký và giao kế hoạch thu nợ chi tiết đối với từng Chương trình/dự án hàng năm.

#### **Điều 23. Xử lý rủi ro**

Thực hiện theo Quy chế xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

## **Chương IV** **QUY ĐỊNH KHÁC**

### **Điều 24. Thay đổi chủ thể Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ**

1. Người vay lại không được quyền chuyển giao, chuyển nhượng nghĩa vụ nợ phát sinh liên quan đến các khoản vay lại, trừ khi có sự chấp thuận bằng văn bản của NHPT.

2. Trường hợp Người vay lại là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi hình thức sở hữu (chia tách, sáp nhập, hợp nhất, sắp xếp lại, cổ phần hoá và các hình thức thay đổi sở hữu khác) thì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Người ra quyết định chuyển đổi có trách nhiệm:

a. Thông báo tiến trình thực hiện chuyển đổi cho NHPT để phối hợp;

b. Yêu cầu Người vay lại trả hết nợ vay cho NHPT theo đúng Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ đã ký trước khi bàn giao dự án cho Người vay lại mới;

Trường hợp Người vay lại không có khả năng trả hết nợ theo Thỏa thuận cho vay lại đã ký, yêu cầu Người vay lại mới phải ký lại Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ, ký nhận nợ và chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với NHPT theo đúng các quy định của Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ trước đây.

### **Điều 25. Thanh lý Hợp đồng tín dụng ODA**

1. Hợp đồng tín dụng ODA thanh lý khi:

a. Người vay lại thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay (gốc, lãi, phí).

b. Chương trình/dự án được xoá toàn bộ nợ hoặc chuyển toàn bộ nợ sang cấp phát theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

c. Chuyển đổi chủ đầu tư theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (khi Người vay lại cũ đã trả hết nợ gốc, lãi, phí).

2. Sau khi thanh lý Hợp đồng tín dụng ODA, NHPT thực hiện tổng kết, đánh giá chung về kết quả thực hiện dự án và tổ chức thanh lý Hợp đồng ủy quyền cho vay lại với Bộ Tài chính.

### **Điều 26. Báo cáo, thanh tra, kiểm tra**

1. Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu, Tổng Giám đốc NHPT có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản lý NHPT tình hình quản lý, cho vay và thu hồi nợ vay vốn ODA.

2. Hoạt động cho vay và thu hồi nợ vay ODA của NHPT chịu sự quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### **Điều 27. Miễn trừ trách nhiệm**

Tất cả các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến các Hợp đồng thương mại sẽ do các bên ký hợp đồng giải quyết và các khiếu nại, tranh chấp này sẽ không miễn trừ cho Người vay lại bất kỳ nghĩa vụ nào.

**Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của NHPT:**

1. Quản lý việc sử dụng vốn của Người vay lại đúng mục đích, có hiệu quả và thu hồi đầy đủ nợ hoàn trả cho ngân sách Nhà nước.

2. Thẩm định Chương trình/dự án theo đúng quy định của Quy chế này.

3. Kiểm tra, giám sát và yêu cầu. Người vay lại cung cấp hồ sơ, chứng từ có liên quan tới quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Người vay lại trước, trong và sau quá trình đầu tư. Được quyền kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng và trả nợ vốn vay của Người vay lại.

4. Tự quyết định hoặc kiến nghị với Bộ Tài chính đình chỉ việc cho vay vốn khi phát hiện Người vay lại vi phạm Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ theo thẩm quyền.

5. Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư dự án cũng như quá trình sản xuất kinh doanh khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Khi đến hạn trả nợ, nếu Người vay lại không trả nợ và các bên không có thỏa thuận khác thì NHPT có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật và xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Trong trường hợp, NHPT cho vay lại theo hình thức tự chịu rủi ro tín dụng, NHPT chịu trách nhiệm trả nợ Bộ Tài chính thay cho Người vay lại.

7. Trường hợp cần thiết, khởi kiện Người vay lại vi phạm Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ, Hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện ghi chép, hạch toán kế toán rõ ràng các khoản cho vay lại theo từng người vay lại.

9. Cung cấp các thông tin, báo cáo liên quan đến việc thực hiện Chương trình/dự án cho Bộ Tài chính/Nhà tài trợ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu.

10. Báo cáo về những doanh nghiệp và tổ chức có Chương trình/dự án nhận vốn cho vay lại nhưng không trả nợ đúng hạn cho Bộ Tài chính để đưa vào danh sách các đối tượng không được xem xét nhận vốn vay tiếp theo. Danh sách này hàng năm sẽ được Bộ Tài chính thông báo cho NHPT để không tiến hành nhận hồ sơ xin vay của các đối tượng trên.

11. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin đột xuất và định kỳ theo quy định.

**Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Người vay lại:**

1. Quản lý, sử dụng vốn vay lại theo đúng mục đích trong báo cáo nghiên

cứu khả thi của dự án đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho NHPT theo đúng các điều khoản quy định trong Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ đã ký với NHPT hoặc Bộ Tài chính.

3. Thực hiện đúng các quy định về bảo đảm tiền vay quy định tại Điều 6 Quy chế này.

4. Định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu đột xuất của NHPT cung cấp các thông tin, báo cáo liên quan đến việc thực hiện Chương trình/dự án cho NHPT, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và đầu tư, đồng thời có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan nói trên các tình huống phát sinh gây chậm trễ tiến trình thực hiện Chương trình/dự án và những thay đổi liên quan đến Chương trình/dự án.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát trực tiếp của NHPT trong quá trình vay vốn và trả nợ.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các thông tin cung cấp cho NHPT.

#### **Chương IV** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 30. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

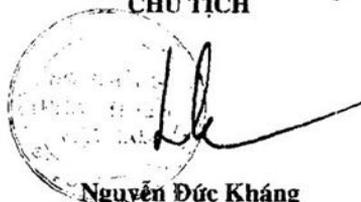
2. Đối với các Chương trình/dự án đã ký Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ trước ngày Quy chế này có hiệu lực được thực hiện tiếp các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng tín dụng ODA/Hiệp định vay phụ trước đây;

3. Đối với các Chương trình/dự án sử dụng vốn vay hỗn hợp (vay lại vốn ODA và vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước) thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế này và các quy định hiện hành của NHPT về vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

##### **Điều 31. Sửa đổi, bổ sung**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản lý NHPT quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc NHPT. *ll*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**  
**CHỦ TỊCH** *ll*

  
**Nguyễn Đức Kháng**